

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Mai Văn Trinh¹,
Nguyễn Văn Chiến^{1,+},
Phạm Thị Thúy Hồng¹,
Trịnh Thị Anh Hoa¹,
Nguyễn Thị Kiều Oanh²,
Phạm Khánh Linh¹

¹Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;

²Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo

+Tác giả liên hệ • Email: chiennv@vnies.edu.vn

Article history

Received: 03/7/2025

Accepted: 11/8/2025

Published: 20/10/2025

Keywords

Economic and technical norms, teacher training, unit costs, higher education, financial management

ABSTRACT

In the context that higher education institutions in Vietnam, especially teacher training institutions, are promoting competency-based autonomy, digital transformation, and innovation of training programs, it has become urgent to scientifically develop a system of economic and technical norms in alignment with the domain-specific characteristics. The article presents the theoretical and practical basis for developing economic and technical norms for teacher training institutions in Vietnam. Based on the theories on unit costs, output-based analysis of activities and management, combined with field surveys at some typical training institutions, the study points out several outstanding challenges: lack of specificity in the current legal documents; current norms which do not fully reflect the characteristics of teacher training activities; and difficulties in integrating digital transformation factors into the norm building process. From these analyses, the article proposes some principles for the construction of economic and technical norms to ensure validity, compatibility with the pedagogical sector, and feasibility in practice. At the same time, the article proposes recommendations to improve the norm system, ultimately improving the effectiveness of financial management and the training quality of pedagogical universities in the context of comprehensive educational innovation today.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang tích cực thúc đẩy tự chủ, chuyển đổi số (CDS) và đổi mới chương trình đào tạo GV theo định hướng phát triển năng lực người học, yêu cầu xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật (KT-KT) cho khối ngành đào tạo GV trở nên đặc biệt cấp thiết. Đây không chỉ là công cụ phục vụ quản lý tài chính hiệu quả mà còn góp phần bảo đảm chất lượng chuyên môn, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo GV trong giai đoạn mới. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã thiết lập hệ thống định mức đào tạo dựa trên quản trị theo kết quả đầu ra và tính đến sự khác biệt giữa các ngành học. Tại Úc, định mức được phân theo nhóm ngành và điều chỉnh theo hệ số chi phí; các nước thuộc khối OECD cũng áp dụng cách tiếp cận tương tự, đồng thời tích hợp thêm các yếu tố đặc thù vùng miền, KT-XH nhằm tối ưu hóa phân bổ ngân sách và nâng cao hiệu quả đào tạo (Department of Education, Australia, 2022). Tuy nhiên, tại Việt Nam, hệ thống định mức hiện hành mới dừng lại ở quy định khung áp dụng chung cho toàn bộ giáo dục đại học, chưa có hướng dẫn cụ thể cho lĩnh vực đào tạo sư phạm - một ngành học có đặc thù cao về thực hành sư phạm, mô phỏng giảng dạy, thực tập và tích hợp giữa chuyên môn và nghiệp vụ. Sự đa dạng giữa các cơ sở đào tạo GV về quy mô, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và mức độ ứng dụng công nghệ cũng dẫn đến chênh lệch đáng kể về chi phí đào tạo thực tế. Trong khi đó, các văn bản hiện hành chưa đủ chi tiết để phản ánh đúng cấu trúc hoạt động đào tạo sư phạm, nhất là trong bối cảnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 và yêu cầu nâng cao năng lực GV.

Để góp phần giải quyết “khoảng trống” nêu trên, bài báo này tổng quan các nghiên cứu lý thuyết về chi phí đơn vị, phân tích hoạt động và quản trị theo kết quả đầu ra, kết hợp phân tích hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng định mức KT-KT và khảo sát thực tiễn tại một số trường đại học có đào tạo GV. Thông qua phương pháp tổng

hợp, phân tích, đối sánh và hệ thống hóa tài liệu, bài viết nhận diện những bất cập hiện tại, từ đó đề xuất nhóm nguyên tắc và cấu trúc định mức có tính khoa học, phù hợp đặc thù ngành và khả thi trong thực tiễn triển khai.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức KT-KT là công cụ định lượng quan trọng trong quản lý giáo dục, nhằm xác định mức sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào như nhân lực, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất để tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ giáo dục có chất lượng xác định (Bộ GD-ĐT, 2024). Trong giáo dục đại học, đặc biệt là đối với khối ngành đào tạo GV, định mức KT-KT giữ vai trò then chốt trong xây dựng đơn giá đào tạo, lập dự toán ngân sách, phân bổ nguồn lực và đánh giá hiệu quả đầu tư công. Về phương pháp tiếp cận, định mức KT-KT thường dựa trên phân tích chi phí đơn vị - tổng chi phí đào tạo một sinh viên trong một khoảng thời gian nhất định, bao gồm chi phí trực tiếp (giảng dạy, thực hành) và chi phí gián tiếp (quản lý, khấu hao). Trong các mô hình tài chính theo kết quả đầu ra, định mức còn là công cụ lượng hóa sản lượng đào tạo và theo dõi hiệu quả sử dụng ngân sách (OECD, 2021).

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã triển khai định mức đào tạo theo ngành và mức độ sử dụng tài nguyên. Úc áp dụng mô hình “Funding Clusters” - phân nhóm ngành với hệ số chi phí khác nhau, trong đó các ngành có tỉ lệ thực hành cao như sư phạm được áp dụng mức hỗ trợ cao hơn (Department of Education, Australia, 2022). OECD cũng khuyến nghị kết hợp hệ số chi phí ngành với điều chỉnh vùng miền và điều kiện KT-XH. Đồng thời, nhiều cơ sở giáo dục đại học áp dụng phương pháp tính chi phí dựa trên hoạt động để đo lường chính xác chi phí cho từng học phần, hỗ trợ quản trị nội bộ và điều chỉnh chi tiêu (Kaplan & Anderson, 2007).

Trong bối cảnh đó, đào tạo GV là lĩnh vực có nhiều đặc thù: tỉ lệ học phần thực hành sư phạm cao (dạy thử, thực tập, mô phỏng), yêu cầu cơ sở vật chất chuyên biệt (phòng học phương pháp, thiết bị hỗ trợ HS khuyết tật), quy mô lớp nhỏ và chương trình đào tạo tích hợp giữa chuyên môn và nghiệp vụ. Ngoài ra, hoạt động cố vấn học tập và hỗ trợ cá nhân hóa người học cũng chiếm tỉ trọng lớn nhưng khó lượng hóa. So với các ngành Kỹ thuật hay Kinh tế, đào tạo sư phạm đòi hỏi mức độ cá thể hóa cao hơn và sự kết nối chặt chẽ với trường phổ thông, làm phát sinh các yếu tố chi phí ngoài khung lý thuyết tính chi tiêu thường.

Từ những phân tích trên, việc xây dựng định mức KT-KT cho ngành đào tạo GV cần đáp ứng một số nguyên tắc: dựa trên phân tích chi tiết hoạt động có thể đo lường; phản ánh đặc thù mô hình đào tạo sư phạm; có hệ số điều chỉnh linh hoạt theo vùng miền và điều kiện phát triển; và bảo đảm khả năng triển khai thực tiễn. Các nguyên tắc này là cơ sở để hoàn thiện hệ thống định mức phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, lập kế hoạch đào tạo và cải thiện chất lượng giáo dục trong các trường sư phạm tại Việt Nam.

2.2. Cơ sở thực tiễn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật khối ngành đào tạo giáo viên tại Việt Nam

2.2.1. Khung pháp lý và chính sách hiện hành

Trong bối cảnh thúc đẩy tự chủ đại học và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến việc xây dựng định mức KT-KT trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt đối với ngành đào tạo GV, đã có nhiều chuyển biến tích cực. Sự hoàn thiện từng bước của khung pháp lý là nền tảng quan trọng giúp các cơ sở đào tạo triển khai việc xây dựng và áp dụng định mức vào lập dự toán, phân bổ chi phí đào tạo, từ đó chuẩn hóa quản trị tài chính và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GV - lực lượng nòng cốt của hệ thống giáo dục quốc dân. Một dấu mốc đáng chú ý là Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT ngày 31/10/2024, trong đó quy định chi tiết nội dung, nguyên tắc và phương pháp xây dựng định mức KT-KT cho các trình độ đào tạo, xác định rõ định mức KT-KT là biểu hiện định lượng mức sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào để thực hiện hoạt động đào tạo với chất lượng xác định.

Về phía Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu đề cập đến vấn đề giá dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức KT-KT. Đây là điều kiện tài chính quan trọng để các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đại học có thể triển khai xây dựng định mức một cách bài bản và đúng quy định. Bên cạnh đó, Nghị định này cũng yêu cầu các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng định mức và đơn giá đào tạo phù hợp với thực tiễn, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào định mức ban hành từ trung ương. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với các trường đại học sư phạm trong việc thiết kế bộ định mức phản ánh đúng mô hình tổ chức và đặc thù ngành nghề của từng cơ sở. Trên bình diện chiến lược, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã đặt mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ GV các cấp, trong đó xác định rõ định mức là công cụ quan trọng để điều tiết tài chính, hỗ trợ đổi mới chương trình và phát triển đội ngũ giảng viên (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

Cùng với đó, việc triển khai Chương trình CDS quốc gia đặt ra nhiều yêu cầu mới trong xây dựng định mức cho các hoạt động như dạy học trực tuyến, phát triển học liệu số, quản lý đào tạo trên nền tảng LMS và mô phỏng sư phạm qua công nghệ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể cho các hoạt động này, khiến việc tính toán chi phí thực tế tại các trường còn gặp khó khăn (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Từ tổng quan hệ thống chính sách có thể thấy rằng, hành lang pháp lý cho việc xây dựng định mức trong đào tạo GV đã bước đầu được hình thành, song vẫn tồn tại ba khoảng trống lớn cần tiếp tục hoàn thiện: (1) Thiếu bộ định mức mẫu hoặc hướng dẫn cụ thể áp dụng cho ngành đào tạo GV - lĩnh vực có đặc thù rõ rệt về tổ chức và nội dung đào tạo; (2) Thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật định lượng cho các hoạt động đặc thù như mô phỏng giảng dạy, tư vấn học tập, hỗ trợ HS khuyết tật hoặc phát triển học liệu mở; (3) Sự tích hợp còn hạn chế giữa hệ thống định mức với các phần mềm quản lý tài chính và quản trị học vụ, làm giảm hiệu quả kiểm soát chi phí và gây khó khăn trong triển khai thực tiễn tại các cơ sở đào tạo.

2.2.2. *Thực trạng áp dụng tại các cơ sở đào tạo giáo viên*

Việc triển khai xây dựng và áp dụng định mức KT-KT trong các cơ sở đào tạo GV tại Việt Nam hiện vẫn ở giai đoạn đầu, chủ yếu dưới hình thức thí điểm tại một số trường đại học sư phạm trọng điểm và chưa hình thành một khung chuẩn áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống. Báo cáo từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Đồng Tháp và một số trường cao đẳng sư phạm địa phương cho thấy sự khác biệt đáng kể trong cách thức tiếp cận, xây dựng và vận dụng định mức đào tạo. Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, hệ thống định mức quy đổi tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 tiết giảng, trong khi các học phần có tính chất thực hành hoặc mô phỏng sư phạm dao động từ 30 đến 45 tiết tùy ngành đào tạo. Tuy vậy, kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 của nhà trường cho thấy các định mức này vẫn chưa bao gồm đầy đủ các khoản chi phí bỏ trợ cần thiết như vật tư tiêu hao, thiết bị mô phỏng, hay chi phí hợp tác với các trường phổ thông trong tổ chức thực tập (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2023). Điều này cho thấy một khoảng trống trong việc lượng hóa chi phí thực tế cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp sư phạm.

Tại Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, mô hình tích hợp lý thuyết - thực hành - mô phỏng đã được áp dụng từ năm 2020 đối với một số ngành như Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non. Tuy nhiên, báo cáo tự đánh giá năm 2023 của nhà trường chỉ ra rằng nhiều học phần đặc thù như dạy học mô phỏng (microteaching), tư vấn học tập hay hướng dẫn khóa luận vẫn chưa có định mức riêng biệt về giờ giảng và đơn giá, mà vẫn được lồng ghép trong các định mức chung cho học phần lý thuyết (Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2023). Việc thiếu sự phân định rõ ràng giữa các loại hình hoạt động này có thể ảnh hưởng đến độ chính xác trong lập dự toán và đánh giá hiệu quả tài chính của chương trình đào tạo.

Trong bối cảnh CDS, một số trường đã bước đầu ứng dụng các hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học mô phỏng trực tuyến và các nền tảng giảng dạy số như Moodle, ClassIn hay iSpring để đổi mới hình thức tổ chức đào tạo. Tuy nhiên, theo đánh giá của UNESCO (2022), phần lớn các cơ sở đào tạo tại Việt Nam vẫn chưa có định mức cụ thể cho các hoạt động liên quan đến số hóa, bao gồm phát triển học liệu điện tử, bảo trì hệ thống, lưu trữ dữ liệu số và hỗ trợ kỹ thuật từ xa. Điều này dẫn đến khó khăn trong xác lập ngân sách và chi phí thực tế cho hoạt động dạy học trên nền tảng số, đặc biệt trong bối cảnh các hoạt động này ngày càng trở nên phổ biến và chiếm tỉ trọng lớn trong chương trình đào tạo GV.

Đối với các cơ sở đào tạo vùng như Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên hay Trường Đại học Hồng Đức, việc xây dựng và áp dụng định mức vẫn gặp nhiều trở ngại khi các yếu tố thực tiễn như sĩ số lớp học nhỏ, cơ sở vật chất hạn chế và tần suất thực hành cao chưa được phản ánh đầy đủ trong định mức hiện hành. Mặc dù Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT có quy định về khả năng điều chỉnh định mức theo điều kiện vùng miền, tuy nhiên đến nay vẫn thiếu các hướng dẫn cụ thể về hệ số điều chỉnh phù hợp với các điều kiện đào tạo đặc thù của từng vùng.

Tổng thể, hệ thống định mức hiện tại phần lớn vẫn mang tính kế thừa, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình GDPT 2018, CDS trong giảng dạy và mô hình đào tạo tích hợp. Hệ quả là các cơ sở đào tạo gặp khó khăn trong việc tính toán đơn giá chính xác, lập dự toán ngân sách hiệu quả và phân bổ chi phí đào tạo hợp lý. Trước thực trạng đó, việc tổ chức nghiên cứu có hệ thống nhằm xây dựng cơ sở lý luận, phương pháp và kỹ thuật xây dựng định mức KT-KT phù hợp với ngành sư phạm là yêu cầu cấp thiết.

2.2.3. *Một số khó khăn và bất cập trong thực tiễn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật*

Thực tiễn triển khai xây dựng và áp dụng định mức KT-KT tại các cơ sở đào tạo GV hiện nay cho thấy còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý tài chính và chất lượng đào tạo. Cụ thể:

Thứ nhất, các cơ sở đào tạo chưa có hệ thống dữ liệu đồng bộ giữa quản lý học vụ và kế toán. Hầu hết các trường hiện vẫn thiếu nền tảng công nghệ tích hợp dữ liệu giữa các hoạt động đào tạo (số giờ giảng, khối lượng học phần,

quy mô lớp học) với chi phí tài chính tương ứng (lao động, vật tư, thiết bị). Việc tính toán đơn giá đào tạo theo tín chỉ hoặc học phần phần lớn vẫn dựa vào kinh nghiệm kế toán truyền thống, chưa phản ánh đúng chi phí thực tế theo từng hoạt động cụ thể. Đặc biệt, chưa có hệ thống phần mềm tích hợp giữa quản lý học vụ và tài chính nên các trường chưa thể áp dụng được phương pháp phân tích chi phí theo học phần - một yêu cầu quan trọng trong mô hình quản lý chi phí theo hoạt động. Trong bối cảnh CDS, việc xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông giữa học vụ và tài chính là điều kiện tiên quyết để đo lường chính xác đơn giá đào tạo, lượng hóa chi phí giảng dạy, cố vấn, thiết bị và học liệu số cho từng tín chỉ hoặc học phần - điều đặc biệt quan trọng đối với ngành sư phạm, vốn có tỉ trọng thực hành và hoạt động cá nhân hóa cao hơn các ngành khác.

Thứ hai, hệ thống hiện hành chưa có định mức đặc thù cho các hoạt động sư phạm ứng dụng. Các nội dung như hướng dẫn thực tập sư phạm, mô phỏng lớp học, tư vấn học tập, dạy học tích hợp, giảng dạy HS khuyết tật, phát triển học liệu số,... vẫn chưa được đưa vào hệ thống định mức riêng, hoặc chỉ được tính bằng hệ số phụ không có căn cứ định lượng rõ ràng. Trong khi đó, đây là những hoạt động chiếm tỉ trọng lớn trong chương trình đào tạo GV theo hướng phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018 (Bộ GD-ĐT, 2023).

Thứ ba, nhiều cơ sở đào tạo thiếu đội ngũ chuyên trách và năng lực kỹ thuật để xây dựng định mức. Công tác này hiện chủ yếu do phòng kế hoạch - tài chính kiêm nhiệm, thiếu sự phối hợp với các phòng đào tạo, trung tâm công nghệ thông tin, khoa chuyên môn và bộ phận thiết bị. Chưa có bộ phận độc lập thực hiện phân tích công việc và xác định thời gian lao động chuẩn - yếu tố cốt lõi trong xây dựng định mức KT-KT.

Thứ tư, cơ chế giám sát và cập nhật định mức còn thiếu. Hiện chưa có quy định về chu kì rà soát, điều chỉnh định mức, trong khi chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của CDS và đổi mới giáo dục. Việc duy trì định mức cũ trong thời gian dài sẽ làm giảm mức độ tương thích với thực tiễn. Thêm vào đó, mặc dù Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (Chính phủ, 2021) đã cho phép chi ngân sách để xây dựng định mức KT-KT, nhưng chưa có quy trình thẩm định kỹ thuật và đánh giá chất lượng định mức ở từng cấp quản lý, dễ dẫn đến tình trạng các định mức được xây dựng chủ yếu phục vụ kế toán mà chưa phản ánh hiệu quả đầu ra và năng suất đào tạo.

2.3. Một số khuyến nghị và nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho khối ngành đào tạo giáo viên

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng định mức

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, việc xây dựng định mức KT-KT cho ngành đào tạo GV cần tuân thủ một số nguyên tắc nền tảng nhằm đảm bảo phù hợp với đặc thù chuyên môn và khả thi trong triển khai.

Thứ nhất, định mức cần đảm bảo tính đặc thù của ngành đào tạo GV. Khác với các ngành khoa học cơ bản hay kỹ thuật, ngành sư phạm yêu cầu sự tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Do đó, định mức phải phân biệt rõ các loại hoạt động: lý thuyết, thực hành, thực tập sư phạm, dạy mô phỏng, cố vấn học tập và rèn luyện kỹ năng mềm, vì mỗi loại có đặc điểm tổ chức, mức tiêu hao nguồn lực và yêu cầu trang thiết bị riêng.

Thứ hai, định mức cần dựa trên phương pháp phân tích công việc và phân bổ theo hoạt động. Áp dụng mô hình tính chi phí dựa trên hoạt động sẽ cho phép tính toán chi phí dựa trên từng loại hoạt động thực tế của giảng viên và người học, thay vì chỉ dựa vào giờ giảng lý thuyết. Phân tích chi tiết công việc giúp xác định chuẩn thời gian lao động, lượng vật tư, thiết bị và các chi phí gián tiếp cho mỗi tín chỉ hoặc học phần.

Thứ ba, định mức phải đảm bảo tính linh hoạt, có khả năng điều chỉnh theo vùng miền và loại hình cơ sở đào tạo. Các trường ở vùng sâu, vùng xa cần được áp dụng hệ số điều chỉnh phù hợp với điều kiện tổ chức đào tạo thực tế. Đồng thời, cần tách biệt định mức giữa các mô hình trường: đại học sư phạm trọng điểm, đại học đa ngành có đào tạo sư phạm và cao đẳng sư phạm địa phương.

Thứ tư, định mức phải có cấu trúc rõ ràng, dễ tích hợp vào phần mềm kế toán, quản lý học vụ và hệ thống theo dõi chỉ tiêu đào tạo, nhằm hỗ trợ kế hoạch tài chính, đánh giá hiệu quả và phục vụ quản lý cấp trên.

2.3.2. Một số khuyến nghị cụ thể

Để hỗ trợ việc triển khai xây dựng và áp dụng định mức tại các cơ sở đào tạo GV, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị cụ thể dưới đây nhằm góp phần nâng cao tính thực tiễn, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- *Xây dựng bộ định mức theo cấu trúc ba tầng*: (1) Định mức cho từng loại hoạt động (giảng dạy lý thuyết, thực hành, thực tập sư phạm, mô phỏng, tương tác số...); (2) Định mức theo ngành hoặc nhóm ngành sư phạm; (3) Hệ số điều chỉnh theo trình độ đào tạo, quy mô lớp học và vùng miền. Cấu trúc này giúp linh hoạt áp dụng cho các loại hình cơ sở đào tạo và phù hợp với yêu cầu CDS.

- *Chuẩn hóa quy trình xây dựng định mức tại từng trường*: Bộ GD-ĐT cần ban hành hướng dẫn kỹ thuật chi tiết theo Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT, quy định rõ quy trình khảo sát, phân tích công việc, lấy ý kiến các bên liên

quan và thẩm định nội bộ. Các trường nên thành lập tổ chuyên trách định mức với sự tham gia của phòng tài chính, học vụ, đào tạo, khoa chuyên môn và trung tâm thiết bị.

- *Xây dựng cơ sở dữ liệu chi phí đào tạo toàn ngành sư phạm*: Bộ GD-ĐT nên tổng hợp dữ liệu chi phí theo ngành, trình độ, vùng miền để phục vụ điều chỉnh chính sách phân bổ ngân sách và đánh giá hiệu quả đầu tư vào đào tạo GV.

- *Tính chi phí công nghệ và CDS vào định mức*: Các hoạt động như xây dựng học liệu số, giảng dạy trực tuyến, duy trì LMS, tư vấn học tập trực tuyến và học tập kết hợp (blended learning) cần được định mức rõ ràng, bao gồm thời gian xây dựng nội dung số, chi phí phần mềm, hạ tầng công nghệ và đào tạo lại giảng viên.

- Thiết lập cơ chế giám sát và cập nhật định mức định kì (hàng năm hoặc 3 năm/lần), đảm bảo bám sát thực tiễn, xu hướng công nghệ và thay đổi trong chương trình đào tạo.

3. Kết luận

Việc xây dựng định mức KT-KT cho ngành đào tạo GV không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật trong quản lý tài chính, mà còn là một giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phân bổ nguồn lực công bằng và góp phần cải thiện chất lượng đào tạo đội ngũ GV. Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng tự chủ, CDS và đổi mới chương trình đào tạo, nhu cầu thiết lập một hệ thống định mức khoa học, sát thực tiễn và có khả năng vận hành hiệu quả trở nên đặc biệt cấp thiết đối với khối ngành sư phạm. Nghiên cứu đã làm rõ vai trò của định mức KT-KT trong quản trị đào tạo GV, đồng thời phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn triển khai tại Việt Nam, qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp cận theo hướng phân tích hoạt động, có tính đặc thù ngành nghề và khả năng điều chỉnh theo điều kiện cơ sở. Những nội dung đề xuất trong bài viết không chỉ góp phần hoàn thiện khuôn khổ lý luận, mà còn gợi mở định hướng tổ chức thực thi phù hợp với bối cảnh đổi mới quản trị đại học hiện nay. Để đảm bảo hiệu quả trong triển khai, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở đào tạo, trong đó định mức cần được nhìn nhận như một công cụ quản trị nền tảng gắn với yêu cầu bảo đảm chất lượng, hiệu quả tài chính và phát triển bền vững hệ thống đào tạo GV trong giai đoạn tới.

Lời cảm ơn: Bài báo này là sản phẩm khoa học của Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho dịch vụ giáo dục đào tạo khối ngành đào tạo giáo viên” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam chủ trì, mã số: B2025.VKG.12.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2023). *Báo cáo Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm năm học 2022-2023*.
- Bộ GD-ĐT (2024). *Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo*.
- Chính phủ (2021). *Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.
- Department of Education, Australia (2022). *Funding clusters and student contribution bands under the Higher Education Support Act 2003*. Canberra: Australian Government. <https://www.education.gov.au>.
- Kaplan, R. S., & Anderson, S. R. (2007). *Time-driven activity-based costing: A simpler and more powerful path to higher profits*. Boston: Harvard Business Press.
- OECD (2021). *Education at a Glance 2021: OECD Indicators*. Paris: OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/b35a14e5-en>
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045*.
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2023). *Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024* (tr 47-62).
- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo tiếp cận chuẩn đầu ra năng lực nghề nghiệp* (tr 70-88).
- UNESCO (2022). *Education in the post-COVID context: Recovery and digital resilience in Southeast Asia*. Bangkok: UNESCO Asia-Pacific Regional Bureau for Education. <https://bangkok.unesco.org>